

Số: /GPMT-BQL

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO VÀ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1788/QĐ-UBND ngày 02 tháng 7 năm 2022 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc ủy quyền thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp, cấp đổi, điều chỉnh, cấp lại, thu hồi giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư trong Khu công nghệ cao, Khu công nghệ thông tin tập trung và các khu công nghiệp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 27/2023/QĐ-UBND ngày 18 tháng 7 năm 2023 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường và giải trình, chỉnh sửa bổ sung, hoàn thiện báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Nhà máy sản xuất thực phẩm” tại Công văn số 99/2024/AV-ĐN ngày 20 tháng 02 năm 2024 của Công ty Cổ phần Acecook Việt Nam – Chi nhánh tại Đà Nẵng và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Môi trường, Khoa học công nghệ và Ươm tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Acecook Việt Nam – Chi nhánh Công ty Cổ phần Acecook Việt Nam tại Đà Nẵng địa chỉ tại lô D3, đường số 10, Khu công nghiệp Hòa Khánh, phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Nhà máy sản xuất thực phẩm” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Nhà máy sản xuất thực phẩm

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô D3, đường số 10, Khu công nghiệp Hòa Khánh, phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư: Số 32212000073 do Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng cấp đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 5 năm 2008, chứng nhận thay đổi lần thứ 3 ngày 26 tháng 11 năm 2012.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 0300808687 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu ngày 15 tháng 12 năm 1993, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 10 tháng 04 năm 2023.

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh mã số 0300808687-004, đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 05 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 06 tháng 01 năm 2022 tại Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng.

1.4. Mã số thuế: 0300808687-004

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất và kinh doanh thực phẩm ăn liền

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

- Tổng diện tích sử dụng đất: 20.892m²

- Quy mô: Cơ sở có tiêu chí tương đương dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất: 415 triệu gói/năm

- Quy trình công nghệ sản xuất: Bột mì → Trộn → Cán sợi → Sợi mì → Hấp → Mì đã hấp chín → Cắt → Chiên → Làm nguội mì → Đóng gói → KCS → Đóng thùng.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục V ban hành kèm Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Acecook Việt Nam – Chi nhánh Công ty Cổ phần Acecook Việt Nam tại Đà Nẵng

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.
2. Công ty Cổ phần Acecook Việt Nam – Chi nhánh Công ty Cổ phần Acecook Việt Nam tại Đà Nẵng có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND quận Liên Chiểu, UBND phường Hòa Khánh Bắc và các cơ quan chức năng liên quan khác nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **10 (Mười) năm**

(Từ ngày tháng năm 2024 đến ngày ... tháng ... năm 2034)

Giấy phép môi trường thành phần là Giấy xác nhận việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành Dự án Chi nhánh Công ty Cổ phần Acecook Việt Nam tại Đà Nẵng của Công ty Cổ phần Acecook Việt Nam tại Đà Nẵng số 329/GXN-STNMT ngày 24 tháng 4 năm 2012 của Sở Tài nguyên và Môi trường hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực.

Điều 4. Giao Phòng Quản lý Môi trường, Khoa học công nghệ và Ươm tạo tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở “Nhà máy sản xuất thực phẩm” theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- UBND thành phố (b/cáo);
- Sở TN&MT;
- UBND quận Liên Chiểu;
- UBND phường Hòa Khánh Bắc;
- Cổng thông tin điện tử Ban Quản lý;
- Công ty CP Acecook Việt Nam – CN Đà Nẵng;
- Daizico;
- Trưởng ban Ban Quản lý (b/cáo);
- Lưu: VT, QLMT, KHCCN&UT.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

Thái Ngọc Trung

Phụ lục I

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BQL ngày tháng năm 2024 của Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (do nước thải sau xử lý được đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp Hòa Khánh và dẫn về Trạm xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Hòa Khánh, không xả ra môi trường).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nước thải nhà vệ sinh → Đường ống PVC DN100, $i = 1\%$ → Bể tự hoại → Hồ gom nước thải → Tuyến thu gom nước thải ống cống ly tâm D300 → Hồ gom nước thải sinh hoạt tập trung → Hệ thống xử lý nước thải 200m³/ngày đêm → Hồ ga thu gom nước thải, đường số 10, Khu công nghiệp Hòa Khánh → Trạm xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Hòa Khánh.

- Nước thải từ hoạt động tắm, rửa, vệ sinh → Hồ gom → Tuyến thu gom nước thải ống cống ly tâm D300 → Hồ gom nước thải sinh hoạt tập trung → Hệ thống xử lý nước thải 200m³/ngày đêm → Hồ ga thu gom nước thải, đường số 10, Khu công nghiệp Hòa Khánh → Trạm xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Hòa Khánh.

- Nước thải rửa đồ từ căn tin, nhà bếp → Hồ gom → Tuyến thu gom nước thải ống cống ly tâm D300 → Hồ gom nước thải sinh hoạt tập trung → Hệ thống xử lý nước thải 200m³/ngày đêm → Hồ ga thu gom nước thải, đường số 10, Khu công nghiệp Hòa Khánh → Trạm xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Hòa Khánh.

- Nước thải giặt đồ bảo hộ → Tuyến thu gom nước thải ống cống ly tâm D300 → Hệ thống xử lý nước thải 200m³/ngày đêm → Hồ ga thu gom nước thải, đường số 10, Khu công nghiệp Hòa Khánh → Trạm xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Hòa Khánh.

- Nước thải sản xuất:

+ Nước thải từ công đoạn sản xuất (hấp mì, rửa dụng cụ thiết bị,...) thu gom vào bể tách mỡ và thu gom nước thải nhà xưởng ($V=19,6\text{m}^3$) → Bơm về hồ gom của hệ thống xử lý nước thải bằng đường ống PVC 90mm → Hồ gom nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải → Hệ thống xử lý nước thải 200 m³/ngày đêm → Hồ ga thu gom nước thải, đường số 10, Khu công nghiệp Hòa Khánh → Trạm xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Hòa Khánh.

+ Nước thải vệ sinh nhà xưởng (kho bột – khu vực đánh muối,...), nhà xe, nhà rác → Hồ gom → Tuyến thu gom nước thải ống cống ly tâm D300mm → Hồ gom nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải → Hệ thống xử lý nước thải 200 m³/ngày đêm → Hồ ga thu gom nước thải, đường số 10, Khu công nghiệp Hòa Khánh → Trạm xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Hòa Khánh.

+ Nước rửa pallet → Hồ gom → Tuyến thu gom nước thải ống cống ly tâm D300mm → Hồ gom nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải → Hệ thống xử lý nước thải 200 m³/ngày đêm → Hồ ga thu gom nước thải đường số 10, Khu công nghiệp Hòa Khánh → Trạm xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Hòa Khánh.

+ Nước thải phát sinh từ quá trình xả cặn lò hơi → Hồ gom nước thải khu vực lò hơi → Tuyến thu gom nước thải ống cống ly tâm D300mm → Hệ thống xử lý nước thải 200 m³/ngày đêm → Hồ ga thu gom nước thải đường số 10, Khu công nghiệp Hòa Khánh → Trạm xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Hòa Khánh.

+ Nước thải từ quá trình rửa màng lọc hệ thống xử lý nước cấp cho lò hơi: Thu gom dẫn về khu vực bể lắng nước thải của hệ thống xử lý khí thải lò hơi → Hồ gom nước thải khu vực lò hơi → Tuyến thu gom nước thải ống cống ly tâm D300mm → Hệ thống xử lý nước thải 200 m³/ngày đêm → Hồ ga thu gom nước thải đường số 10, Khu công nghiệp Hòa Khánh → Trạm xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Hòa Khánh.

+ Nước thải từ hoạt động rửa dụng cụ kiểm nghiệm → Hồ gom nước thải → Tuyến thu gom nước thải ống cống ly tâm D300mm → Hồ gom nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải → Hệ thống xử lý nước thải 200 m³/ngày đêm → Hồ ga thu gom nước thải đường số 10, Khu công nghiệp Hòa Khánh → Trạm xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Hòa Khánh.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

a) Công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ

* Bể tự hoại 03 ngăn:

- Vị trí: Khu vực nhà văn phòng (01 bể); Xưởng sản xuất (01 bể)
- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Ngăn chứa → Ngăn lọc → Ngăn lắng → Hồ ga → Hệ thống xử lý nước thải công suất 200m³/ngày đêm → Trạm xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Hòa Khánh.

- Công suất thiết kế: 12,75m³

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không

* Bể tách dầu mỡ

- Vị trí: Xưởng sản xuất, ngoài khu vực dây chuyền 1
- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Ngăn lọc → Ngăn tách mỡ → Ngăn lắng → Hồ ga → Hệ thống xử lý nước thải công suất 200m³/ngày đêm → Trạm xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Hòa Khánh.

- Công suất thiết kế: 19,6m³

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không

b) Hệ thống xử lý nước thải công suất 200m³/ngày đêm

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Song chắn rác → Bể tiếp nhận → Bể tách dầu → Lọc rác tinh → Bể điều hòa, trung hòa → Bể UMBR → Bể sinh học hiếu khí vật liệu tiếp xúc → Bể lọc màng MBR → Bể lắng hóa lý → Đường số 10, Khu công nghiệp Hòa Khánh → Trạm xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Hòa Khánh.

- Công suất thiết kế: 200m³/ngày đêm

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Chlorine, Polyme cation, Sodium Hypochlorite (Javel NaClO), Poly Aluminium Chloride (Aluminium Chloride PAC), Sodium hydroxide (hoặc các hóa chất tương đương không phát sinh thêm chất ô nhiễm đảm bảo đạt chất lượng theo thông số ô nhiễm tối đa cho phép xả vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải Khu công nghiệp Hòa Khánh).

- Chế độ vận hành: 24/24h

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải 200m³/ ngày đêm:

- Bể tiếp nhận, bể tách dầu, bể điều hòa, bể trung hòa có khả năng lưu chứa nước thải khi hệ thống xảy ra sự cố.

- Lắp đặt các thiết bị, máy móc dự phòng cho hệ thống xử lý 02 thiết bị (01 vận hành, 01 dự phòng), các thiết bị chạy luân phiên nhau, trong trường hợp có sự cố về hỏng hóc thì vẫn có thể đảm bảo cho hệ thống vận hành và thay thế, sửa chữa thiết bị còn lại.

- Hệ thống được cấp điện dự phòng từ máy phát điện dự phòng khi có sự cố mất điện xảy ra vẫn đảm bảo cho hệ thống hoạt động bình thường.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát hoạt động các thiết bị để có biện pháp khắc phục và bảo dưỡng kịp thời.

- Lập sổ theo dõi quá trình vận hành để ghi chép các hiện tượng, sự cố bất thường và giải pháp xử lý sự cố.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

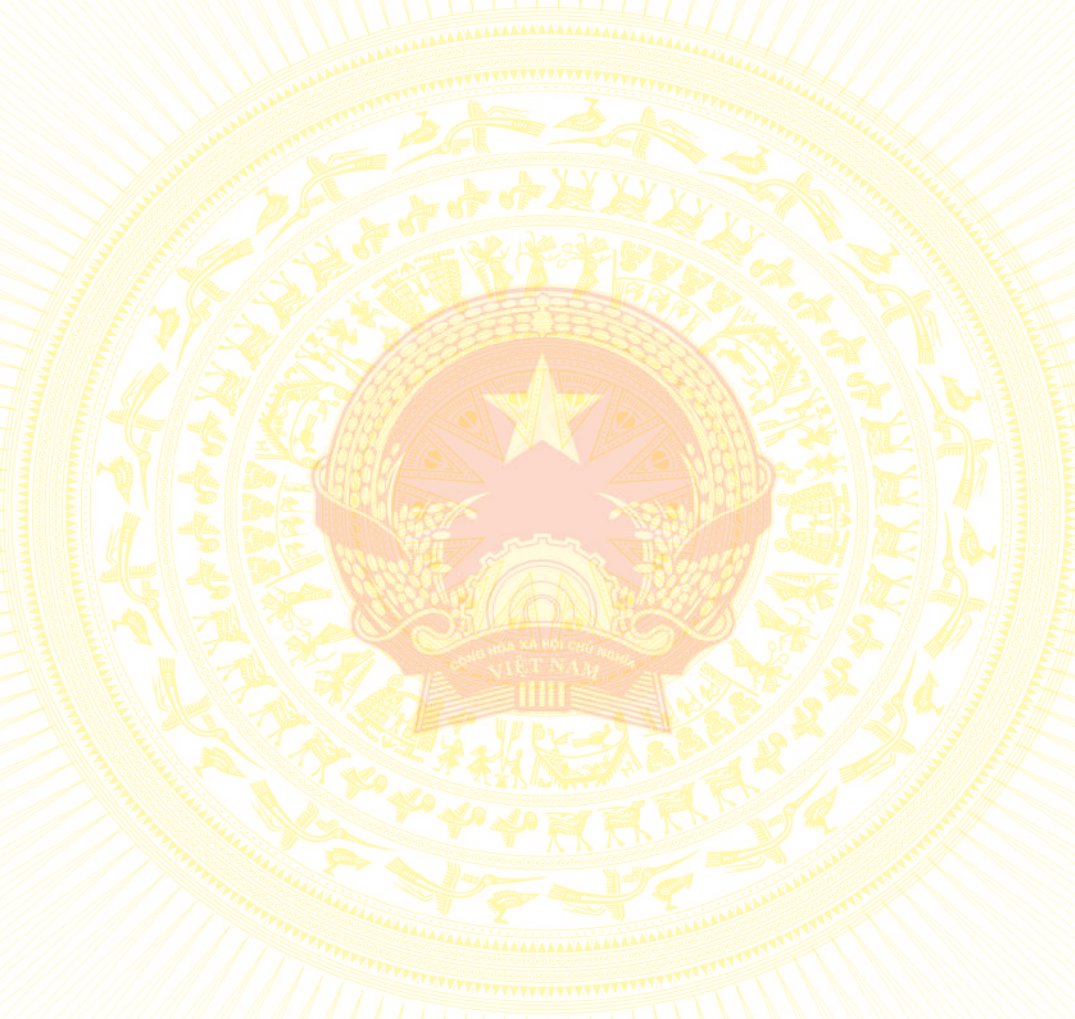
Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm do hệ thống xử lý nước thải công suất 200m³/ngày đêm đã được Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận chính thức đi vào hoạt động tại Thông báo số 38/TB-STNMT ngày 28 tháng 8 năm 2012.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở, bảo đảm đáp ứng yêu cầu, điều kiện tiếp nhận nước thải của Trạm xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Hòa Khánh; công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố nước thải

bảo đảm không xả nước thải ra môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý nước thải.



Phụ lục II

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BQL ngày tháng năm 2024 của Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

* Nguồn thải có hệ thống xử lý khí thải

- Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ lò hơi 15 tấn/ giờ hiện hữu (sử dụng nhiên liệu biomass, củi, than đá)
- Nguồn số 02: Khí thải phát sinh từ lò hơi 20 tấn/ giờ hiện hữu (sử dụng nhiên liệu biomass, củi, than đá)
- Nguồn số 03: Khí thải phát sinh từ lò hơi 20 tấn/ giờ mới (sử dụng nhiên liệu biomass, củi, than đá)

* Nguồn thải không có hệ thống xử lý khí thải:

- Nguồn số 04: Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng 1 công suất 500KVA.
- Nguồn số 05: Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng 2 công suất 500KVA.

Các nguồn khí khác (không phải là khí thải) gồm: Hơi dầu phát sinh từ hệ thống xử lý hơi dầu của công đoạn chiên chuyên line 01; Hơi dầu phát sinh từ hệ thống xử lý hơi dầu của công đoạn chiên chuyên line 02; Hơi dầu phát sinh từ hệ thống xử lý hơi dầu của công đoạn chiên chuyên line 03; Hơi nhiệt thừa phát sinh từ công đoạn hấp 1 chuyên line 01; Hơi nhiệt thừa phát sinh từ công đoạn hấp 2 chuyên line 01; Hơi nhiệt thừa phát sinh từ công đoạn chiên 1 chuyên line 01; Hơi nhiệt thừa phát sinh từ công đoạn chiên 2 chuyên line 01; Hơi nhiệt thừa phát sinh từ công đoạn hấp 1 chuyên line 02; Hơi nhiệt thừa phát sinh từ công đoạn hấp 2 chuyên line 02; Hơi nhiệt thừa phát sinh từ công đoạn chiên 1 chuyên line 02; Hơi nhiệt thừa phát sinh từ công đoạn chiên 2 chuyên line 02; Hơi nhiệt thừa phát sinh từ công đoạn hấp 1 chuyên line 03; Hơi nhiệt thừa phát sinh từ công đoạn hấp 2 chuyên line 03; Hơi nhiệt thừa phát sinh từ công đoạn chiên 1 chuyên line 03; Hơi nhiệt thừa phát sinh từ công đoạn chiên 2 chuyên line 03.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Vị trí xả khí thải

- Dòng khí thải số 01: Tương ứng với ống khói thải sau hệ thống xử lý khí thải lò hơi 15 tấn/ giờ hiện hữu (tương ứng với nguồn số 01), tọa độ vị trí xả khí thải: X= 1778703.7; Y= 540398.6
- Dòng khí thải số 02: Tương ứng với ống khói thải sau hệ thống xử lý khí thải lò hơi 20 tấn/ giờ hiện hữu (tương ứng với nguồn số 02), tọa độ vị trí xả khí thải: X= 1778703.7; Y= 540398.6

- Dòng khí thải số 03: Tương ứng với ống khói thải sau hệ thống xử lý khí thải lò hơi 20 tấn/ giờ mới (tương ứng với nguồn số 03), tọa độ vị trí xả khí thải: X= 1778689.9; Y= 540383.4

- Dòng khí thải số 04: Tương ứng với ống khói thoát khí thải máy phát điện dự phòng 1 công suất 500KVA (nguồn số 04), tọa độ vị trí xả thải: 1778683.1; Y= 540330.9

- Dòng khí thải số 05: Tương ứng với ống khói thoát khí thải máy phát điện dự phòng 1 công suất 500KVA (nguồn số 04), tọa độ vị trí xả thải: X= 1778682.5; Y= 540330.5

- Dòng khí thải số 06: Tương ứng với ống khói thoát khí thải máy phát điện dự phòng 2 công suất 500KVA (nguồn số 05), tọa độ vị trí xả thải: X= 1778681.6; Y= 540330.1

- Dòng khí thải số 07: Tương ứng với ống khói thoát khí thải máy phát điện dự phòng 2 công suất 500KVA (nguồn số 05), tọa độ vị trí xả thải: X= 1778694.3; Y= 540315.3

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, múi chiếu 3°)

Vị trí xả khí thải trong phạm đất của cơ sở Công ty Cổ phần Acecook Việt Nam – Chi nhánh tại Đà Nẵng, tại lô D3, đường số 10, Khu công nghiệp Hòa Khánh, phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất

- Dòng khí thải số 01: lưu lượng xả khí thải lớn nhất 25.000 m³/giờ

- Dòng khí thải số 02: lưu lượng xả khí thải lớn nhất 30.000 m³/giờ

- Dòng khí thải số 03: lưu lượng xả khí thải lớn nhất 50.000 m³/giờ

- Dòng khí thải số 04: lưu lượng xả khí thải lớn nhất 1.200 m³/giờ

- Dòng khí thải số 05: lưu lượng xả khí thải lớn nhất 1.200 m³/giờ

- Dòng khí thải số 06: lưu lượng xả khí thải lớn nhất 1.200 m³/giờ

- Dòng khí thải số 07: lưu lượng xả khí thải lớn nhất 1.200 m³/giờ

2.3. Phương thức xả khí thải:

- Dòng khí thải số 01, 02, 03: Xả liên tục 24/24 giờ

- Dòng khí thải số 04, 05, 06, 07: Xả gián đoạn, chỉ xả thải khi máy phát điện dự phòng hoạt động.

3. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B với hệ số K_p , K_v); cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Nồng độ C	Nồng độ tối đa cho phép C_{max}	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
I	Dòng khí thải số 01, 02, 03					
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	200	$C_{max} = C \times K_p \times K_v$ Các hệ số xác định theo quy định QCVN 19:2009/BTNMT	06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
2	SO ₂	mg/Nm ³	500			
3	NO _x	mg/Nm ³	850			
4	CO	mg/Nm ³	1.000			
II	Dòng khí thải số 04, 05, 06, 07					
Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng (chỉ sử dụng gián đoạn trong trường hợp mất điện) không có hệ thống xử lý khí thải, tuy nhiên nhiên liệu sử dụng phải đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.						

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

- Khí thải phát sinh từ nguồn số 01, 02, 03 → Hệ thống xử lý khí thải → Xả ra ngoài môi trường qua các ống khói tương ứng dòng khí thải 01, 02, 03.

- Khí thải phát sinh từ nguồn số 04, 05 được thu gom → Xả ra ngoài môi trường qua các ống khói tương ứng dòng khí thải 04, 05, 06, 07.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

* Hệ thống xử lý khí thải lò hơi 15 tấn/ giờ

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Quạt hút → Cyclon khô → Thiết bị rửa khí (lọc ướt) → Xả ra ngoài môi trường qua ống khói.

- Công suất thiết kế: 25.000 m³/giờ

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH (hoặc các hóa chất, vật liệu khác tương đương đảm bảo chất lượng khí thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 3 Phần A Phụ lục này).

- Chế độ vận hành: Liên tục khi hoạt động sản xuất

* Hệ thống xử lý khí thải lò hơi 20 tấn/giờ hiện hữu

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Quạt hút → Cyclon khô → Tháp lọc ướt → Xả ra ngoài môi trường qua ống khói.

- Công suất thiết kế: 30.000 m³/giờ

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH (hoặc các hóa chất, vật liệu khác tương đương đảm bảo chất lượng khí thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 3 Phần A Phụ lục này).

- Chế độ vận hành: Liên tục khi hoạt động sản xuất

* Hệ thống xử lý khí thải lò hơi 20 tấn/giờ mới

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Lọc bụi khô (lọc bụi Cyclon) → Lọc bụi túi vải → Quạt hút → Tháp lọc bụi ướt + hấp thụ SO₂ → Xả ra ngoài môi trường qua ống khói.

- Công suất thiết kế: 50.000 m³/giờ

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH (hoặc các hóa chất, vật liệu khác tương đương đảm bảo chất lượng khí thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 3 Phần A Phụ lục này).

- Chế độ vận hành: Liên tục khi hoạt động sản xuất

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ các hệ thống thu gom, xử lý khí thải, tuân thủ các yêu cầu thiết kế của hệ thống xử lý khí thải, chuẩn bị các bộ phận, thiết bị dự phòng đối với các bộ phận, thiết bị dễ hư hỏng. Đồng thời phát hiện các sự cố như quạt hút, hệ thống bơm không hoạt động, kiểm tra lượng cạn trong bể nước hệ thống xử lý để tiến hành vệ sinh, nâng cao hiệu quả xử lý của hệ thống. Tất cả các thiết bị, linh kiện vận hành hệ thống đều có 2 thiết bị như quạt hút, bơm nước, ... (01 vận hành, 01 dự phòng, chạy luân phiên nhau).

- Thực hiện công tác kiểm tra, giám sát hằng ngày để kịp thời phát hiện và xử lý các dấu hiệu có khả năng dẫn đến xảy ra sự cố.

- Lập sổ theo dõi quá trình vận hành để ghi chép các hiện tượng, sự cố bất thường và giải pháp xử lý sự cố.

- Khi có sự cố xảy ra, huy động đội ngũ cán bộ kỹ thuật chuyên trách tại nhà máy để khắc phục, xử lý nhanh sự cố. Trường hợp cần thiết sẽ thông báo cho đơn vị bảo trì đến xử lý sự cố.

- Trong trường hợp mất điện sẽ có thông báo trước từ công ty Điện Lực. Trong trường hợp này, nhà máy sẽ sử dụng máy phát điện dự phòng, hệ thống xử lý khí thải vẫn sẽ tiếp tục hoạt động nếu có sản xuất.

- Dừng ngay công đoạn sản xuất tại nơi có hệ thống xử lý khí thải gặp sự cố, đóng các van đường ống, đậy nắp các thùng chứa hóa chất, các bồn phản ứng. Trong trường hợp sự cố nghiêm trọng, chưa giải quyết được Nhà máy dừng sản xuất toàn bộ các công đoạn để xử lý sự cố, đồng thời, báo cáo với cơ quan có thẩm quyền để có hướng giải quyết, giảm thiểu.

- Trong thời gian bảo trì, bảo dưỡng thì các hệ thống, dây chuyền sản xuất có công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải đều tạm dừng hoạt động theo quy trình bảo trì, bảo dưỡng của nhà máy đã ban hành.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 04 tháng kể từ thời điểm bắt đầu vận hành thử nghiệm, Giấy phép này có hiệu lực.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

- Hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi 20 tấn/giờ hiện hữu.

- Hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi 20 tấn/ giờ mới.

Đối với hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi 15 tấn/giờ hiện hữu không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm do đã được Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận việc đã hoàn thành các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành tại Giấy xác nhận số 329/GXN-STNMT ngày 24 tháng 4 năm 2012.

a) Vị trí lấy mẫu: Tại các ống khói sau xử lý của các thiết bị xử lý bụi, khí thải phải vận hành thử nghiệm.

b) Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty Cổ phần Acecook Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng phải giám sát các thông số ô nhiễm trong khí thải sau xử lý và thực hiện đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống, thiết bị xử lý khí thải theo giá trị giới hạn cho phép quy định tương ứng tại Mục 3 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm các hệ thống, thiết bị, công trình xử lý khí thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022, cụ thể như sau: Việc quan trắc chất thải do Công ty Cổ phần Acecook Việt Nam – Chi nhánh tại Đà Nẵng tự quyết định nhưng phải bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định hệ thống xử lý khí thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả ra ngoài môi trường. Công ty Cổ phần Acecook Việt Nam – Chi nhánh tại Đà Nẵng chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục b 2.2 Phần B của Phụ lục này và phải ngừng ngay việc xả thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm của các công trình xử lý khí thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty Cổ phần Acecook Việt Nam – Chi nhánh tại Đà Nẵng có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 7, 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép này thì Công ty Cổ phần Acecook Việt Nam – Chi nhánh tại Đà Nẵng phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất sử dụng để vận hành thường xuyên, hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.4. Đảm bảo việc thu hồi hơi dầu phát sinh từ dây chuyền sản xuất (chủ yếu tại công đoạn chiên mì) được lắp đặt hệ thống máng hút kín, hệ thống lọc dầu nhằm mục đích thu hồi dầu và hơi nhiệt thừa phát sinh từ công đoạn hấp (tủ hấp), công đoạn chiên (chảo chiên), thông thoáng, điều hòa không khí tại khu vực làm việc, không phải khí thải tuy nhiên phải đảm bảo đáp ứng các yêu cầu bảo vệ môi trường.

3.5. Nghiên cứu, có lộ trình chuyển đổi nhiên liệu đốt lò hơi từ than sang các nhiên liệu khác thân thiện với môi trường, ít gây ô nhiễm môi trường như gas, biomass.



Phụ lục III

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BQL ngày tháng năm 2024 của Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Tại máy cán sợi dây chuyên 01
- Nguồn số 02: Tại máy cán sợi dây chuyên 02
- Nguồn số 03: Tại máy cán sợi dây chuyên 03
- Nguồn số 04: Hoạt động của máy thổi khí tại khu vực xử lý nước thải
- Nguồn số 05: Hoạt động của máy phát điện dự phòng

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01 có tọa độ: X= 1778614.9; Y= 540369.5
- Nguồn số 02 có tọa độ: X= 1778641.2; Y= 540358.9
- Nguồn số 03 có tọa độ: X= 1778641.3; Y= 540358.8
- Nguồn số 04 có tọa độ: X= 1778716.9; Y= 540353.1
- Nguồn số 05 có tọa độ: X= 1778681.5; Y= 540330.8

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, múi chiều 3°)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

TT	Từ 6 giờ - 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ - 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ - 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ - 6 giờ (dBA)		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

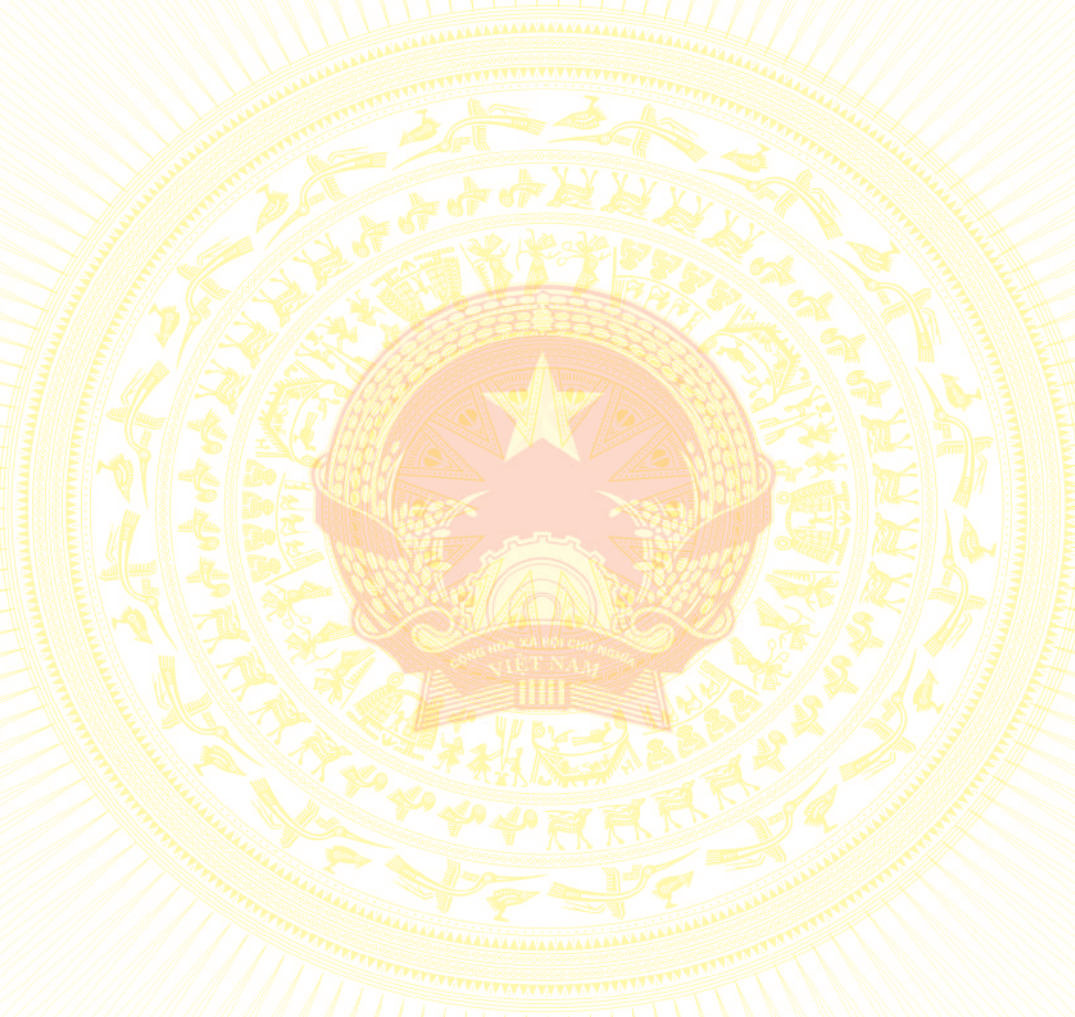
1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn.

- Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn để giảm thiểu độ rung.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.



Phụ lục IV**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BQL ngày tháng năm 2023 của Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp phải kiểm soát phát sinh thường xuyên

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)
1	Dung môi thải	16 01 01	Lỏng	112
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Rắn	20
3	Găng tay, giẻ lau nhiễm hóa chất	18 02 01	Rắn	152
4	Bao bì chứa dung môi	18 01 04	Rắn	140
5	Hộp mực in	08 02 04	Rắn	80
6	Ắc quy chì thải	19 06 01	Rắn	4
7	Bo mạch điện tử	16 01 13	Rắn	64
8	Hóa chất trong phòng thí nghiệm thải	13 01 02	Rắn/lỏng	84
9	Bao bì mềm thải	18 01 01	Rắn	40
10	Bao bì kim loại cứng thải	18 01 02	Rắn	40
11	Bao bì nhựa cứng thải	18 01 03	Rắn	20
12	Dầu thủy lực tổng hợp thải	17 01 06	Lỏng	52
	Tổng cộng			800

Đối với chất thải rắn công nghiệp phải kiểm soát thực hiện phân định, phân loại theo quy định Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022.

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh (không bao gồm: các loại chất thải rắn công nghiệp thông thường được phép tái sử dụng, sử dụng trực tiếp, có ký hiệu TT-R theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT được quản lý như đối với sản phẩm, hàng hóa)

STT	Loại chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Thành phẩm, gia vị, phế phẩm: Mi vụn, mì gói không đạt chất lượng	-	24.000

2	Băng keo, nhãn mác hư hỏng	-	6.000
3	Bụi từ Cyclone lọc bụi	-	37.200
4	Tro xỉ đốt lò hơi	04 02 06	240.000
Tổng cộng			379.200

STT	Loại chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (m ³ /năm)
1	Bùn thải từ bể tự hoại	12 06 13	24
2	Dầu mỡ thải	12 06 11	24
Tổng cộng			48

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 156 tấn/năm

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

a) Thiết bị lưu chứa: Bao chứa, thùng dung tích 60 lít, 120 lít, 240 lít và can chứa loại 10 lít (chất thải nguy hại dạng lỏng) có nắp đậy kín, được lưu chứa riêng biệt, dán nhãn, phân loại mã chất thải nguy hại và đáp ứng yêu cầu tại khoản 4 và khoản 5 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022.

b) Kho lưu chứa trong nhà

- Diện tích kho lưu chứa: 18m²

- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa: Mái che bằng tôn, xà gồ thép hộp; trần thạch cao khung xương Tika Vĩnh Tường, tấm trần không chống ẩm; nền bê tông cốt thép, lớp vữa dày 3cm, ốp gạch men, đảm bảo không rạn nứt, không thấm thấu, nền cao hơn mặt đường xung quanh; tường bằng gạch, trên sơn nước, dưới ốp gạch men cao 2m; có cửa kho Pano inox 304; dán nhãn logo cảnh báo chất thải nguy hại; có hố thu gom góc trấu gần cửa ra vào của kho chứa, kích thước 30x30mm; có gờ chắn trước cửa kho.

Trang bị đầy đủ các dụng cụ, thiết bị, vật liệu phòng cháy chữa cháy theo quy định pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30cm mỗi chiều.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

a) Thiết bị lưu chứa: Thùng nhựa HDPE 240 lít; bao tải, cột kín; cặn dầu mỡ thu gom vào các hộp có nắp đậy (dung tích 0,045m³)

b) Kho lưu chứa trong nhà

- Kho lưu chứa: Diện tích 18m² được lưu giữ cùng chất thải rắn sinh hoạt.

Đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường phế liệu, tái chế được lưu chứa tại kho diện tích 60m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa: Mái che bằng tôn, xà gồ thép hộp; trần thạch cao khung xương Tika Vĩnh Tường, tấm trần không chống ẩm; nền bê tông cốt thép, ốp gạch men đảm bảo không rạn nứt, không thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào, nền cao 250mm so với mặt đường xung quanh; tường bằng gạch trên sơn nước, dưới ốp gạch men cao 2m; cửa kho Pano inox 304.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

a) Thiết bị lưu chứa: Thùng nhựa 10 lít, 20 lít, 120 lít, 240 lít

b) Kho lưu chứa trong nhà

- Kho lưu chứa: Diện tích 18m² được lưu giữ cùng chất thải rắn thông thường.

- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa: Mái che bằng tôn, xà gồ thép hộp; trần thạch cao khung xương Tika Vĩnh Tường, tấm trần không chống ẩm; nền bê tông cốt thép, ốp gạch men đảm bảo không rạn nứt, không thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào, nền cao 250mm so với mặt đường xung quanh; tường bằng gạch trên sơn nước, dưới ốp gạch men cao 2m; cửa kho Pano inox 304.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu chứa chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng các yêu cầu quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022.

Phụ lục V
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BQL ngày tháng năm 2023 của Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Đã hoàn thành các hạng mục công trình xây dựng và công trình bảo vệ môi trường theo nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường bổ sung của Chi nhánh Công ty Cổ phần Acecook Việt Nam tại Đà Nẵng, địa điểm Khu công nghiệp Hòa Khánh, quận Liên chiểu, thành phố Đà Nẵng tại Quyết định số 7210/QĐ-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2011 của UBND thành phố; phê duyệt điều chỉnh nội dung quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường bổ sung của Chi nhánh Công ty Cổ phần Acecook Việt Nam tại Đà Nẵng tại Khu công nghiệp Hòa Khánh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng tại Quyết định số 2504/QĐ-UBND ngày 21 tháng 7 năm 2021 của UBND thành phố.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu, trách nhiệm về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

2. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

3. Thực hiện công khai giấy phép môi trường trên trang thông tin điện tử của Công ty Cổ phần Acecook Việt Nam – Chi nhánh tại Đà Nẵng hoặc tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp phường/xã nơi thực hiện, thời điểm công khai chậm nhất là 10 ngày sau khi được cấp giấy phép môi trường theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường và khoản 1 Điều 102 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

4. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT; Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số

02/2022/TT-BTNMT; Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng theo quy định.

5. Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn giao thông, an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy và quản lý hóa chất. Thực hiện kế hoạch, phương án phòng chống, ứng phó sự cố hóa chất và sự cố khác theo quy định của pháp luật.

6. Bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực chuyên môn phù hợp; Phải có hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 14001 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO 14001 được chứng nhận theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 53 Luật Bảo vệ môi trường.

7. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (trong đó cập nhật các thay đổi khối lượng, loại chất thải nguy hại phát sinh tại Phụ lục 4 (nếu có) theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường) hoặc đột xuất; báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (kỳ báo cáo tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12) theo mẫu số 05.A Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 và gửi đến các cơ quan sau đây: Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND quận Liên Chiểu, UBND huyện Hòa Vang, Công ty Phát triển và Khai thác hạ tầng các khu công nghiệp Đà Nẵng trước ngày 05 tháng 01 của năm tiếp theo. Hình thức báo cáo công tác bảo vệ môi trường và phương thức gửi báo cáo công tác bảo vệ môi trường thực hiện theo quy định tại khoản 3, 4 Điều 66 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022; Công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

